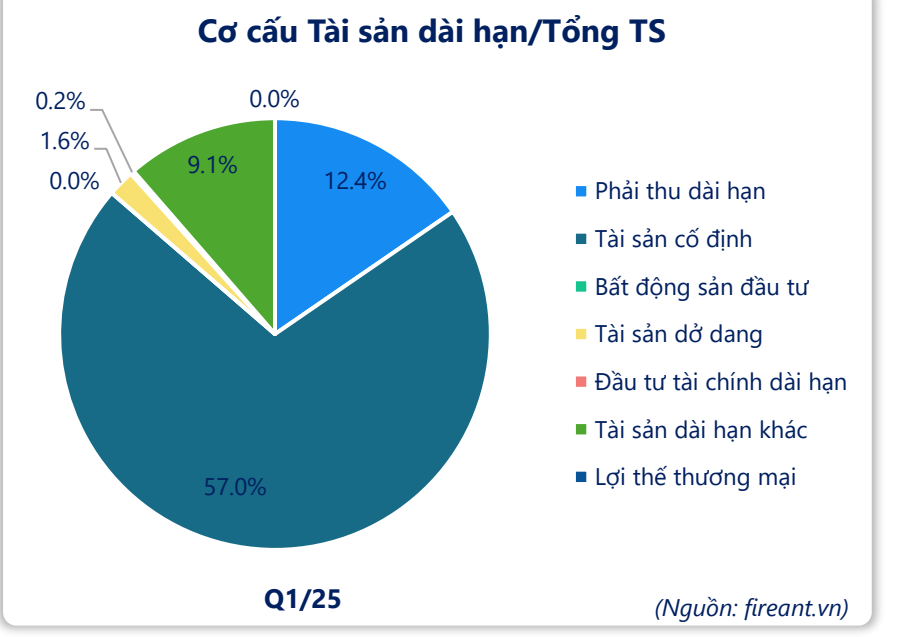
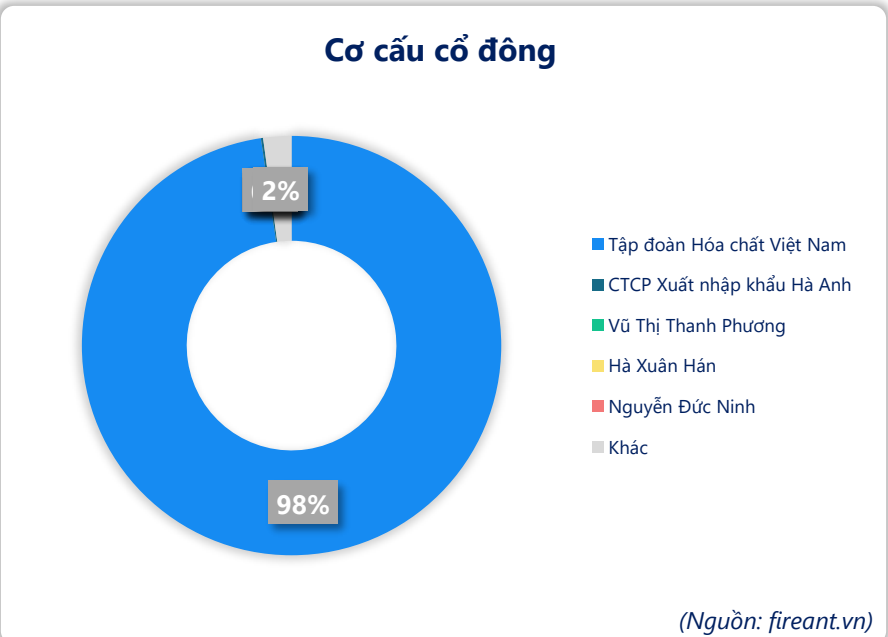
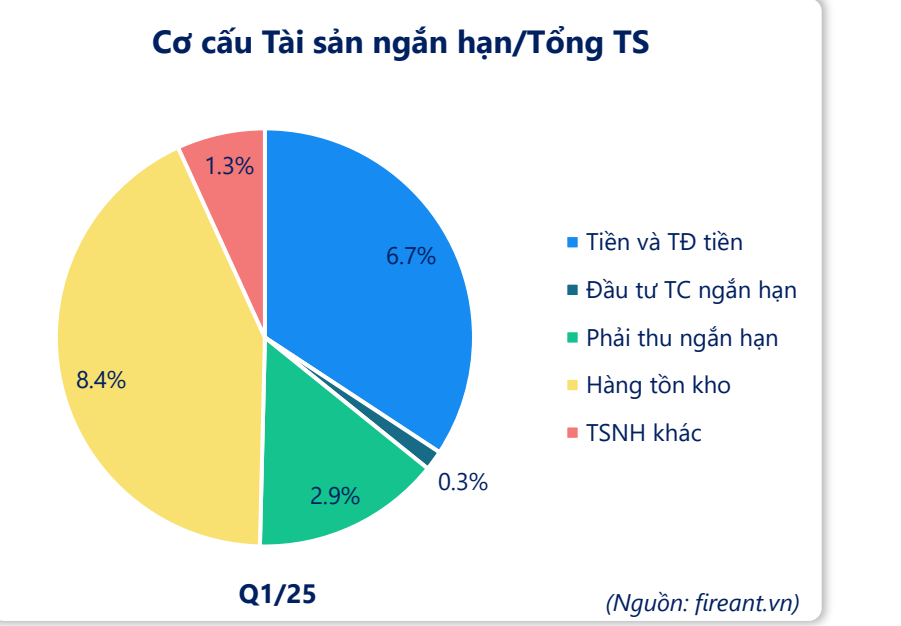
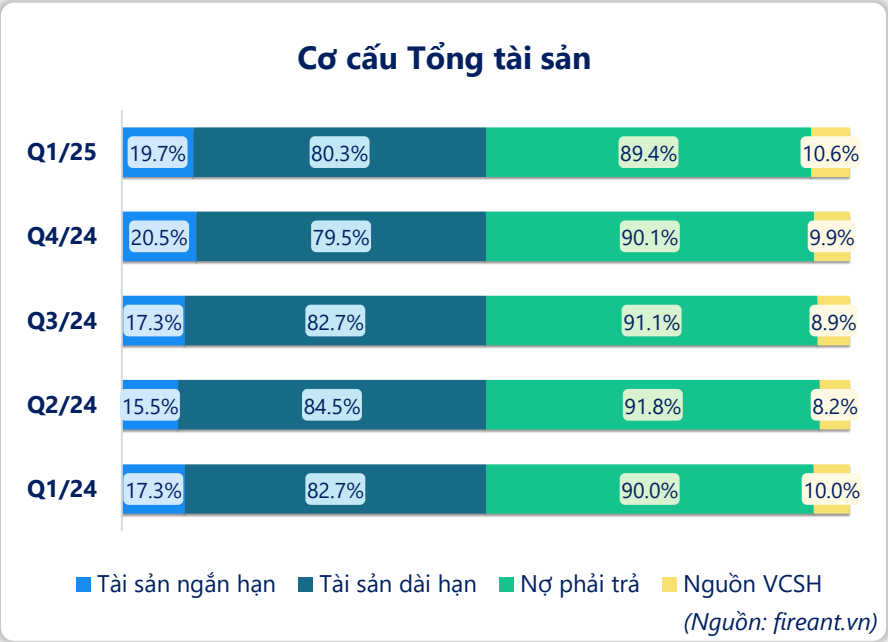
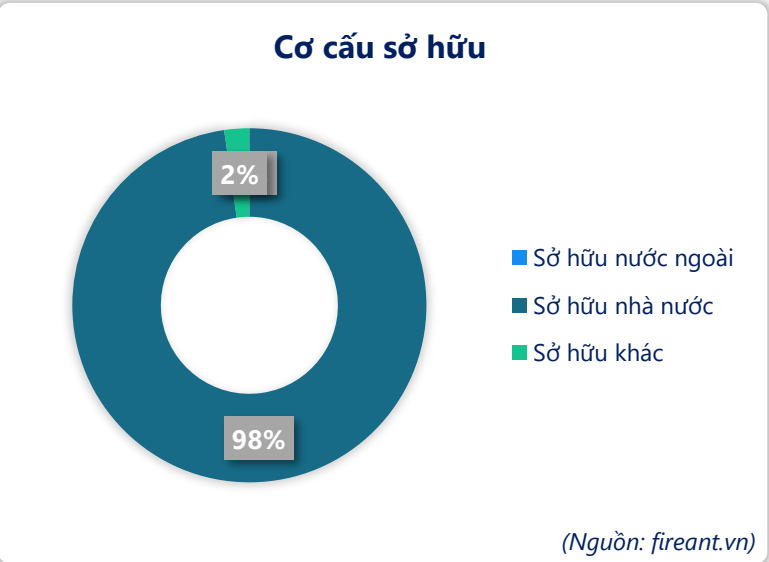
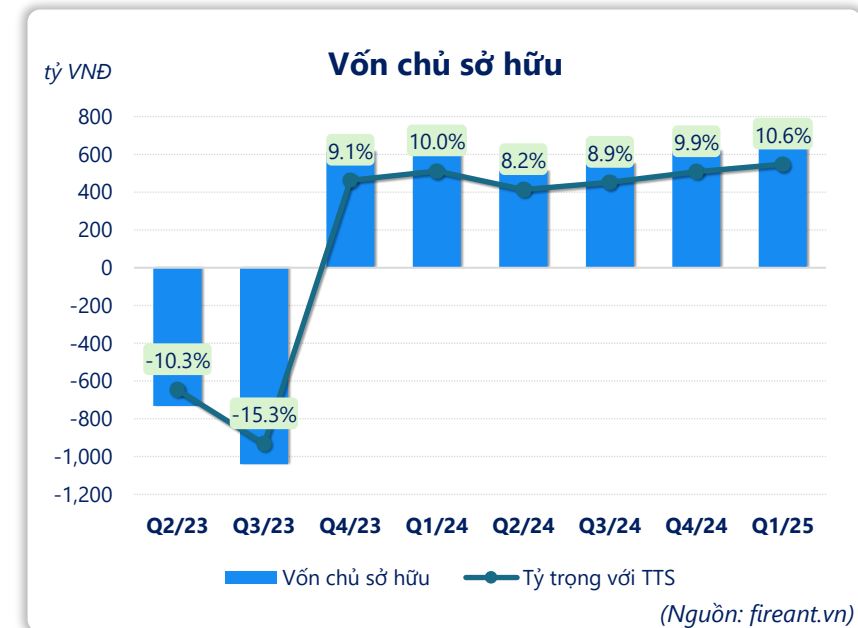
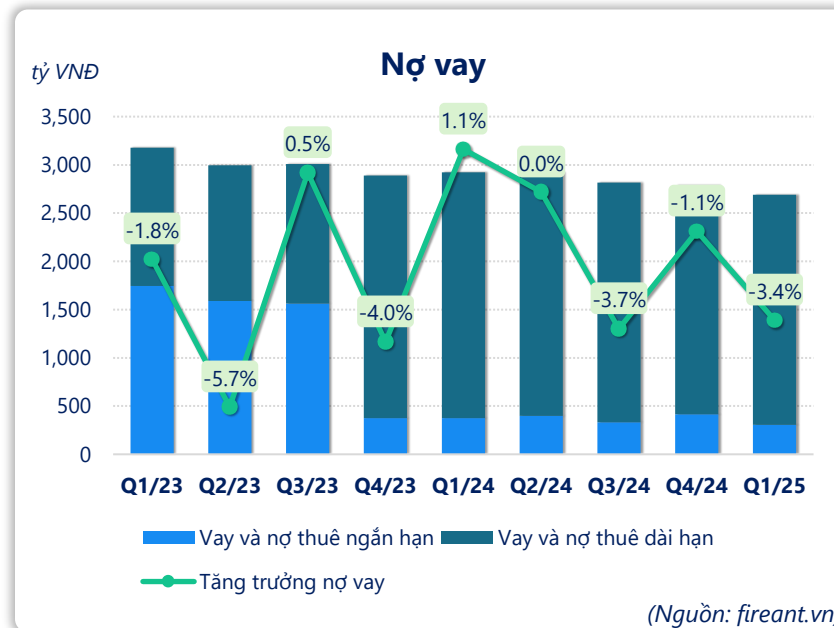
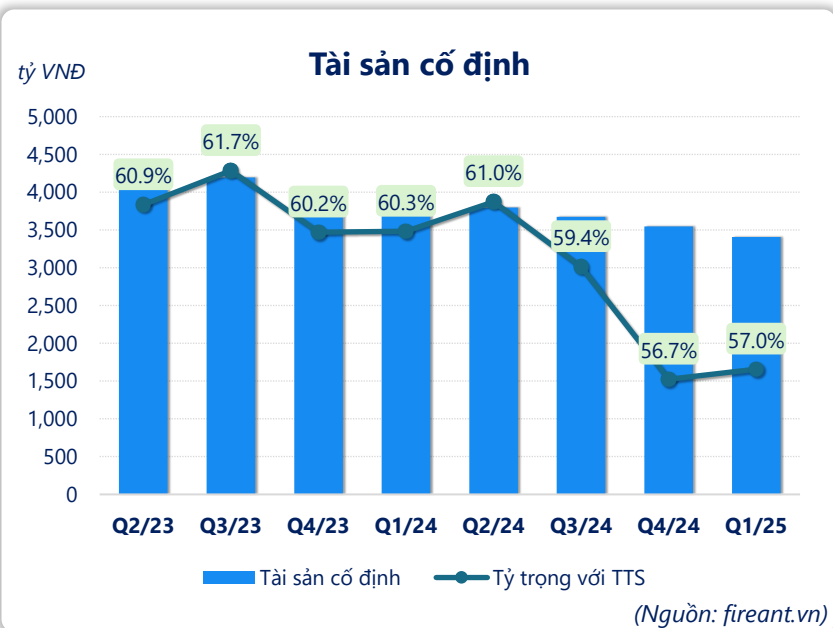
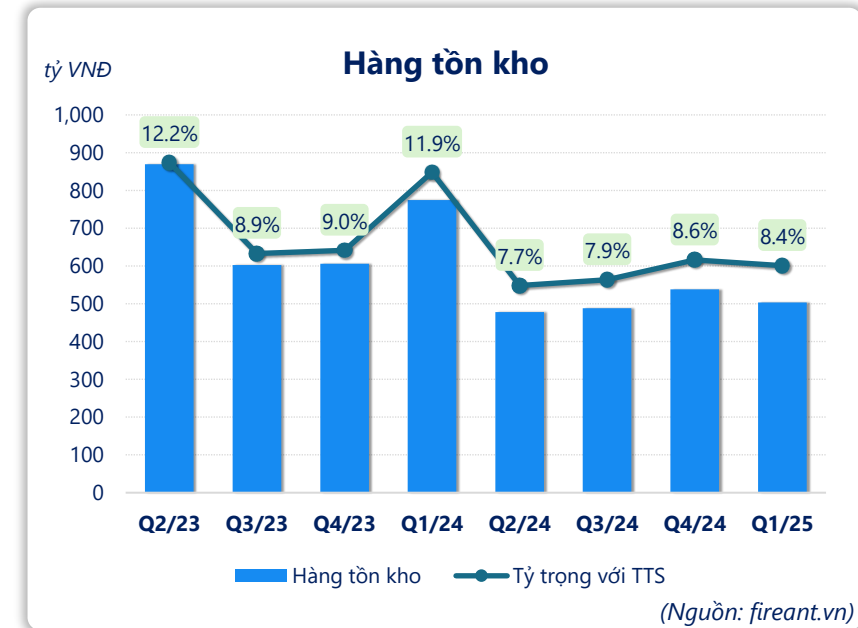
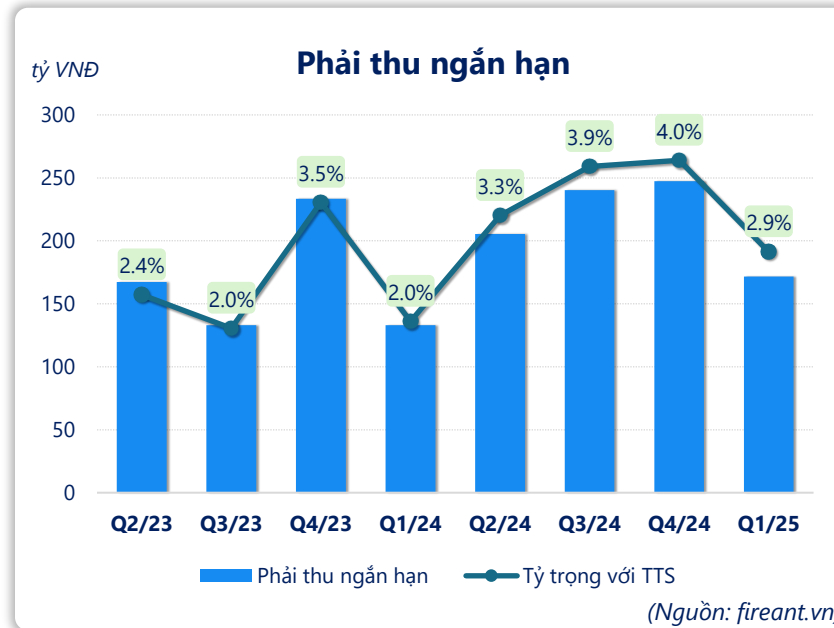
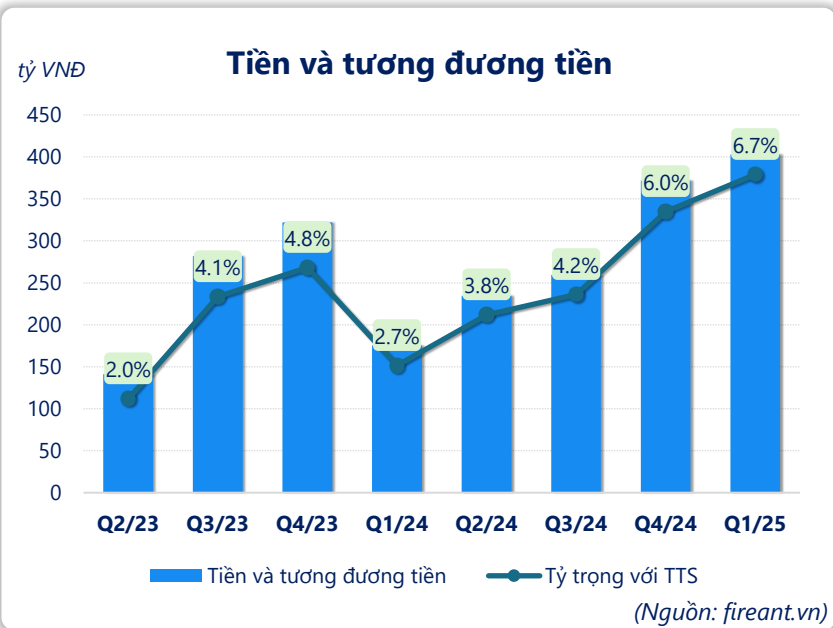
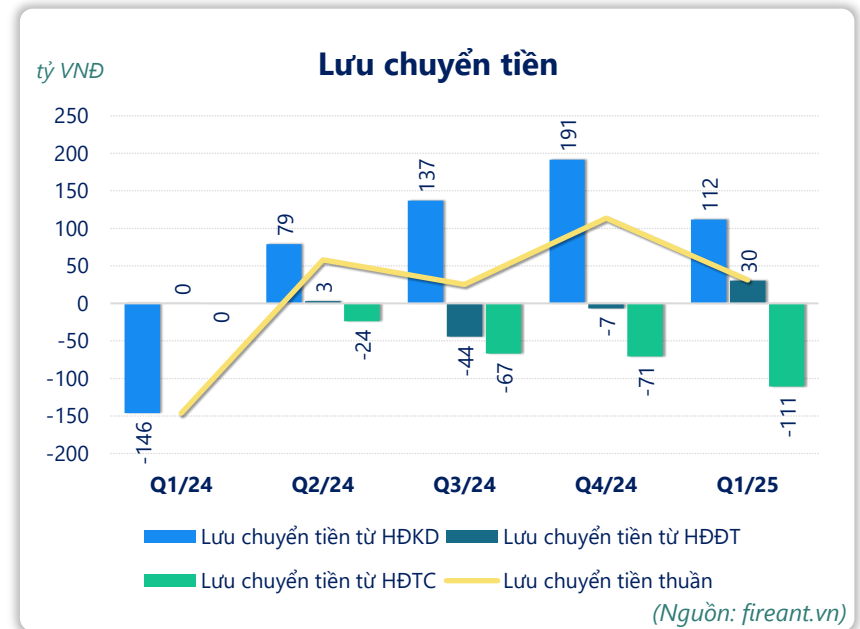
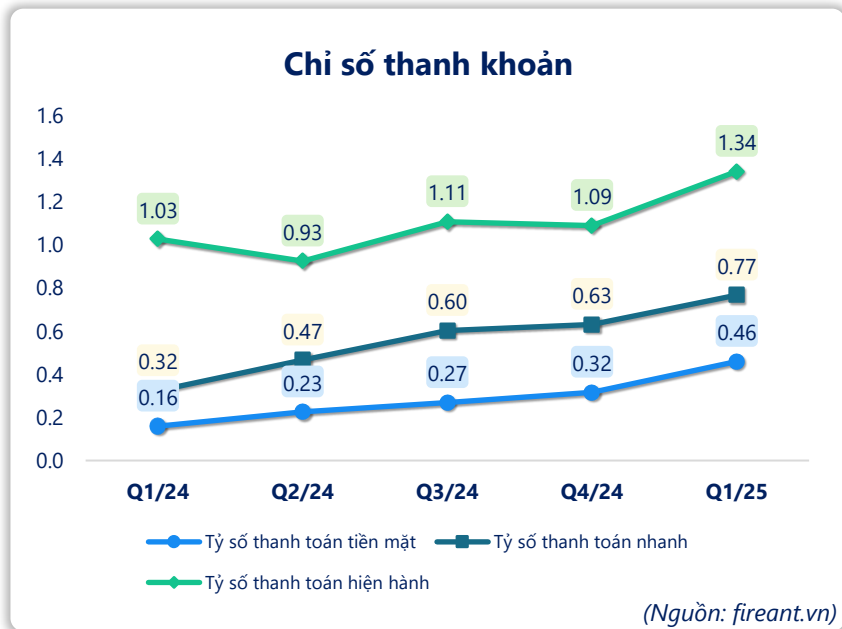
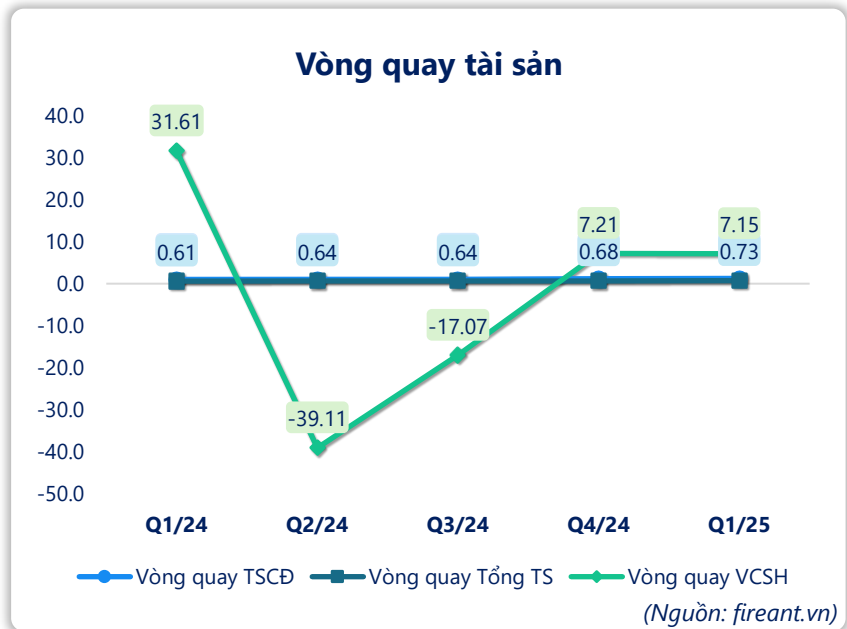
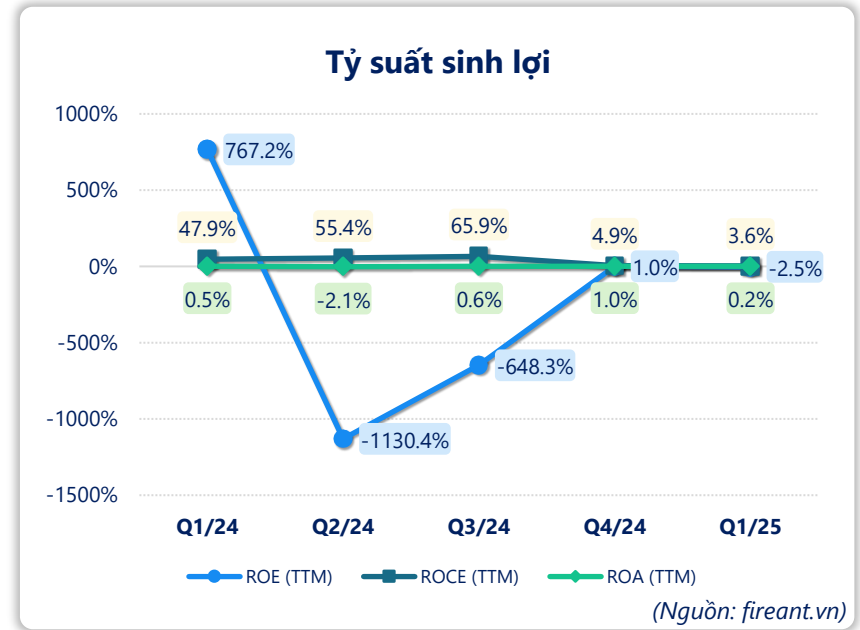
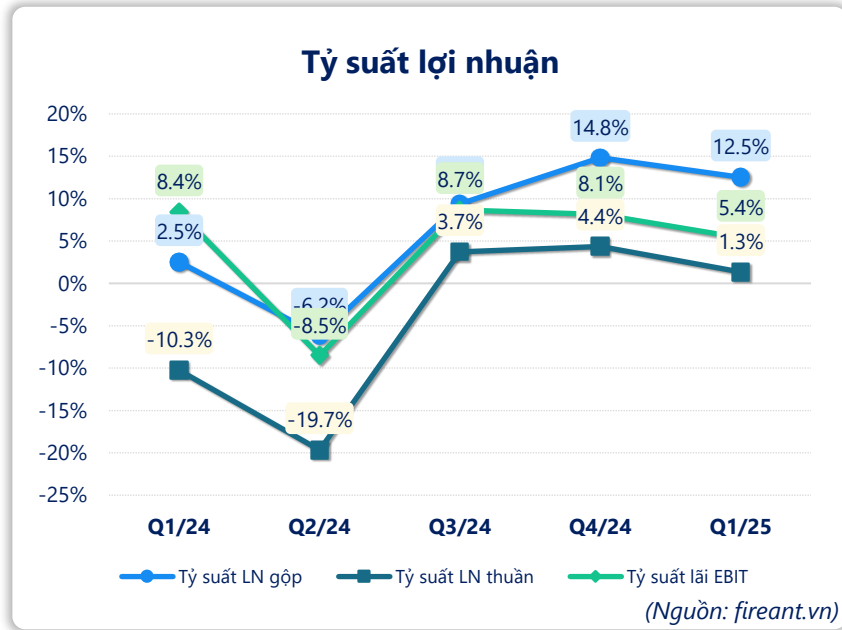
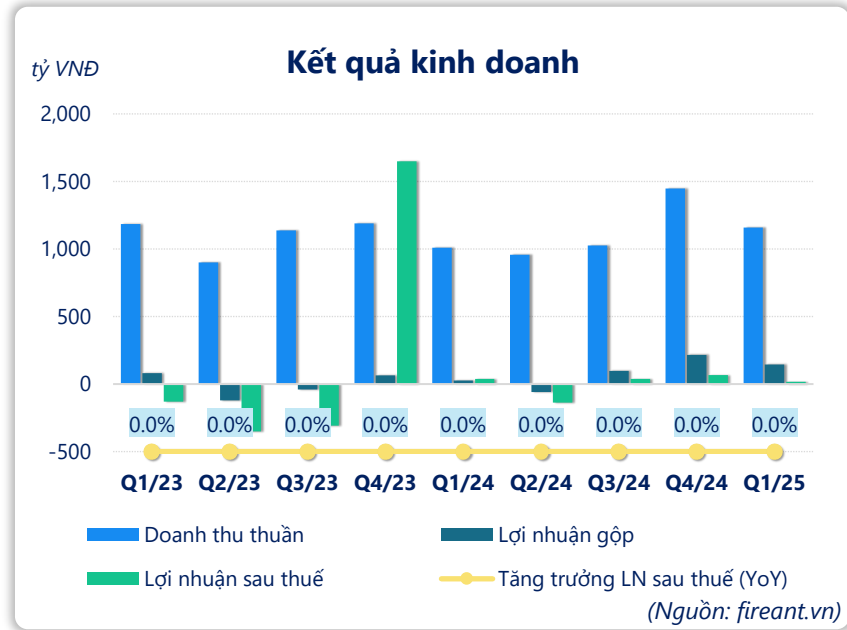


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,000
SL cổ phiếu LH		272,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		13,400
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,477
P/E		-151.5
EPS		-60

	YTD	1T	3T	6T
DHB	0.0%	-11.7%	-3.2%	2.2%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	5,982	6,248	-4.3%
Tài sản ngắn hạn	1,176	1,281	-8.1%
Tiền và tương đương tiền	403	372	8.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.0	48.0	-62.5%
Phải thu ngắn hạn	172	247	-30.6%
Hàng tồn kho	503	539	-6.6%
Tài sản ngắn hạn khác	80.3	74.4	7.9%
Tài sản dài hạn	4,806	4,967	-3.3%
Phải thu dài hạn	741	741	0.0%
Tài sản cố định	3,409	3,545	-3.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	96.1	92.3	4.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	13.2	13.2	0.0%
Tài sản dài hạn khác	547	576	-5.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,348	5,629	-5.0%
Nợ ngắn hạn	877	1,174	-25.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	305	415	-26.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	369	386	-4.4%
Nợ dài hạn	4,471	4,456	0.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,385	2,370	0.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	634	618	2.5%
Vốn chủ sở hữu	634	618	2.5%
Vốn điều lệ	2,722	2,722	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	1,009	958	1,025	1,448	1,157
Giá vốn hàng bán	984	1,017	929	1,233	1,013
Lợi nhuận gộp	25.4	-59.0	96.1	215	145
Doanh thu HĐTC	5.05	5.22	49.3	11.0	1.48
Chi phí TC	85.0	82.4	51.2	98.0	65.8
Chi phí lãi vay	46.5	55.8	50.5	50.5	46.8
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	19.9	15.4	19.5	31.5	32.0
Chi phí QLDN	29.1	36.8	36.8	33.0	32.9
LN thuần từ HĐKD	-104	-188	37.9	63.0	15.6
Lợi nhuận khác	142	51.0	0.33	4.28	0.03
LN trước thuế	38.2	-137	38.3	67.3	15.6
Lợi nhuận sau thuế	38.2	-137	38.3	67.3	15.6
LNST của CĐ cty mẹ	38.2	-137	38.3	67.3	15.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-146	79.0	137	191	112
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.13	2.85	-44.4	-6.88	30.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.20	-23.9	-67.1	-70.9	-111
Tiền đầu kỳ	322	175	234	259	372
Lưu chuyển tiền thuần	-146	57.9	25.2	114	31.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	1.15	-0.26	-1.15	0
Tiền cuối kỳ	175	234	259	372	403

(Nguồn: fireant.vn)